

Bản án số: 350/2024/DS-ST
Ngày 19 – 11 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiến

Ông Thái Hoàng Bo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Chinh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 19 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 617/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 415/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Hạnh N, sinh năm 1974.

Địa chỉ cư trú: Khóm B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn:

1. Ông Hà Tấn T, sinh năm 1953.

2. Bà Trương Thị H, sinh năm 1954.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (ông T, bà H1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 10 năm 2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Hạnh N trình bày: Vào ngày 06/7/2020 bà cho ông Hà Tấn T, bà Trương Thị H vay số tiền 36.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận. Ngày 20/3/2021 bà tiếp tục cho ông T, bà H vay thêm số tiền 22.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận. Từ tháng 6 năm 2021 đến nay ông T, bà H không trả gốc và lãi theo thỏa thuận, bà nhiều lần liên hệ yêu cầu nhưng ông T, H cố tình né tránh.

Từ những lý do trên, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hà Tấn T, Trương Thị H trả cho bà tổng số tiền 58.000.000 đồng và lãi suất chậm thanh toán theo quy định 10%/năm x 38 tháng = 18.366.666 đồng. Tổng cộng vốn và lãi số tiền 76.366.666 đồng.

Đối với bị đơn ông Hà Tấn T và bà Trương Thị H: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T, bà H theo quy định pháp luật, nhưng ông T, bà H không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông T, bà H bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng ông T, bà H vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà H.

[2] Xét yêu bà Huỳnh Hạnh N yêu cầu ông Hà Tấn T, bà Trương Thị H trả tiền vay 58.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo hợp đồng vay tiền ngày 06/7/2020 do bà N cung cấp có nội dung “...*Bên A (bên cho vay) họ và tên: Huỳnh Hạnh N...Bên B (bên vay) họ và tên: Hà Tấn T, năm sinh 1953, vợ Trương Thị H, năm sinh 1954; địa chỉ thường trú: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau... Bên A cho bên B vay với nội dung sau: số tiền vay bằng số: 36.000.000 đồng (tổng số là bà mười sáu triệu đồng)...ngày 20/3/2021 âl. Tôi 3 T có hỏi cháu N 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu) tôi 3 Tài ...Bên vay ký tên ghi họ tên Hà Tấn T, Trương Thị H*”. Ngoài ra, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “...*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết...mà bên đương sự đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh...*”. Viện dẫn theo điều luật trên, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T và bà H nhiều lần để tham gia giải quyết vụ án, nhưng ông T và bà H không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ đối với yêu cầu của bà N nên ông T và bà H phải chịu thiệt hại về sự vắng mặt của mình. Do đó, yêu cầu của bà N là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu của bà N về tính lãi từ tháng 6/2021 âl đến tháng 8/2024 âl là 38 tháng với lãi suất 10%/năm x số tiền vay 58.000.000 đồng = số tiền 18.366.666 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.*”. Viện dẫn theo điều luật trên, thấy rằng yêu cầu tính lãi của bà N không vượt quá quy định nên được chấp nhận.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Hạnh N. Buộc ông Hà Tấn T và bà Trương Thị H trả cho bà N tổng số tiền vay và lãi 76.366.666 đồng. Trong đó tiền vốn 58.000.000 đồng và tiền lãi 38 tháng số tiền 18.666.666 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định “*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*”. Tuy nhiên, ông T và bà H là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí, xét miễn án phí cho ông T, bà H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Hạnh N.

1. Buộc ông Hà Tấn T và bà Trương Thị H trả cho bà Huỳnh Hạnh N tổng số tiền vay và lãi 76.366.666 đồng (bảy mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Hạnh N không phải chịu, hoàn trả lại cho bà N 1.909.000 đồng (một triệu chín trăm lẻ chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0001853 ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Miễn án phí cho ông Hà Tấn T và bà Trương Thị H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 19 tháng 11 năm 2024.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang N1

Các vị Hội thẩm: Ông Nguyễn Văn H2 và ông Thái Hoàng B

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 617/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Hạnh N, sinh năm 1974.

- *Bị đơn*: Ông Hà Tấn T, sinh năm 1953 và bà Trương Thị H, sinh năm 1954.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về căn cứ và áp dụng điều luật:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Kết quả biểu quyết: 03/03.

2. Về quan điểm xét xử:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Hạnh N.

1. Buộc ông Hà Tấn T và bà Trương Thị H trả cho bà Huỳnh Hạnh N tổng số tiền vay và lãi 76.366.666 đồng (bảy mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Kết quả biểu quyết: 03/03.

3. Về các vấn đề khác:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Hạnh N không phải chịu, hoàn trả lại cho bà N 1.909.000 đồng (một triệu chín trăm lẻ chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0001853 ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Miễn án phí cho ông Hà Tấn T và bà Trương Thị H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 03/03.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 19 tháng 11 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

